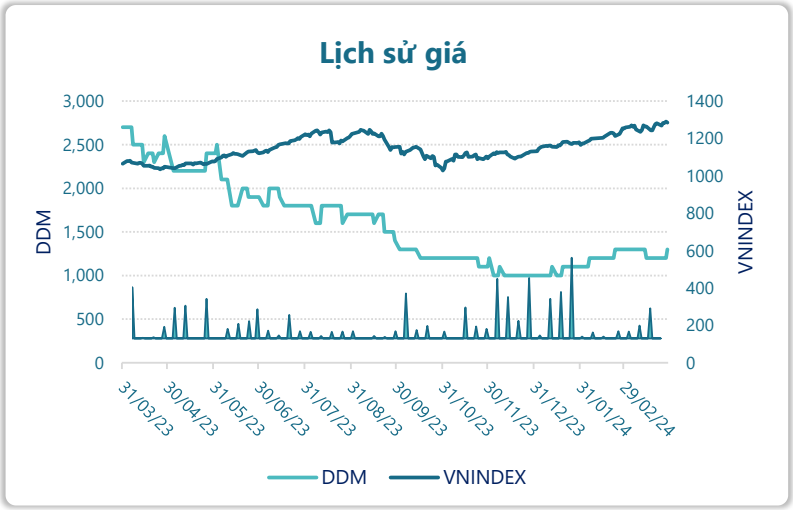
FireAnt

CTCP Hàng hải Đông Đô (UPCOM: DDM)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,000
SL cổ phiếu LH	12,244,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,080
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16
P/E	-0.1
EPS	-9,117

DT thuần

Q1/24

50.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.40| -12.9%

YoY: ▼1.30| -2.6%

LN sau thuế

Q1/24

-30.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 3.2%

YoY: ▼9.30| -43.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

-39.2%

+/- YoY: ▼ 61.0%

DT thuần

2023

206

tỷ VNĐ

YoY: ▼179| -46.5%

LN sau thuế

2023

-102

tỷ VNĐ

YoY: ▼160| -277%

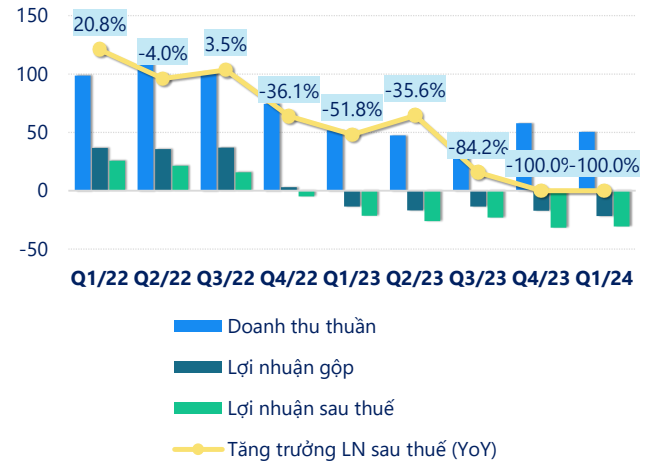
ROE

2023

13.2%

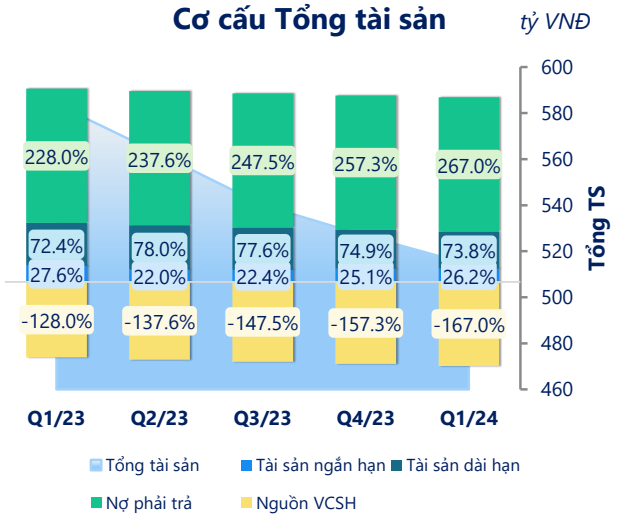
+/- YoY: ▲ 20.8%

Kết quả kinh doanh



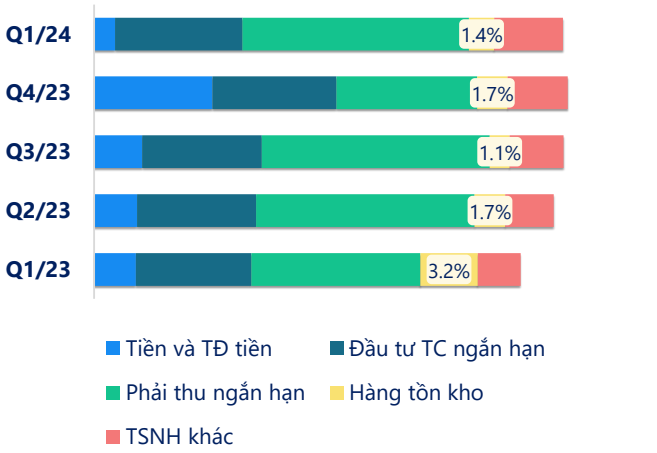
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



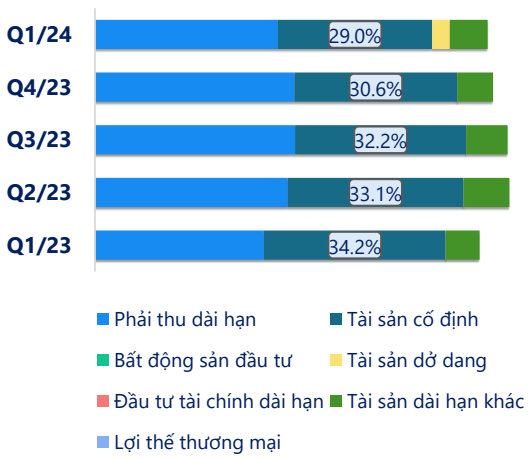
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



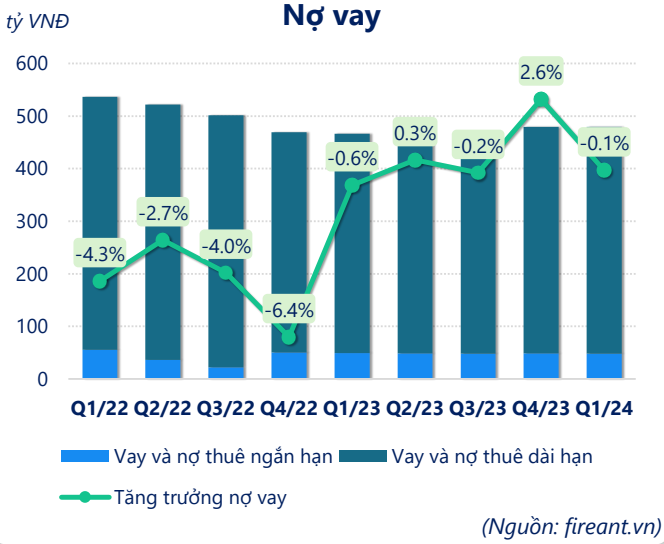
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



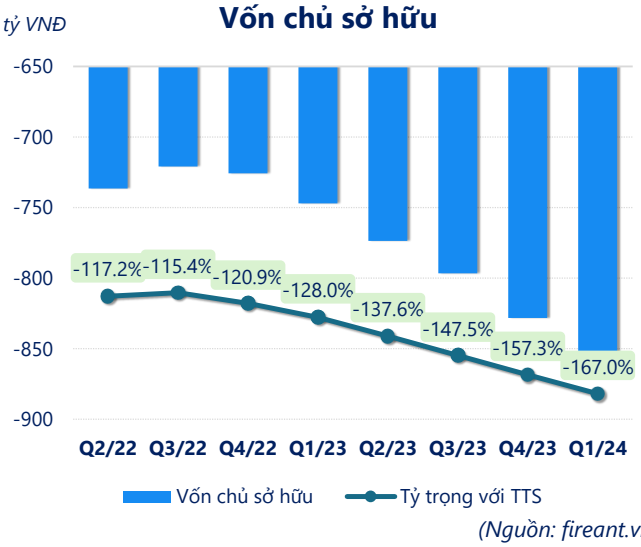
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



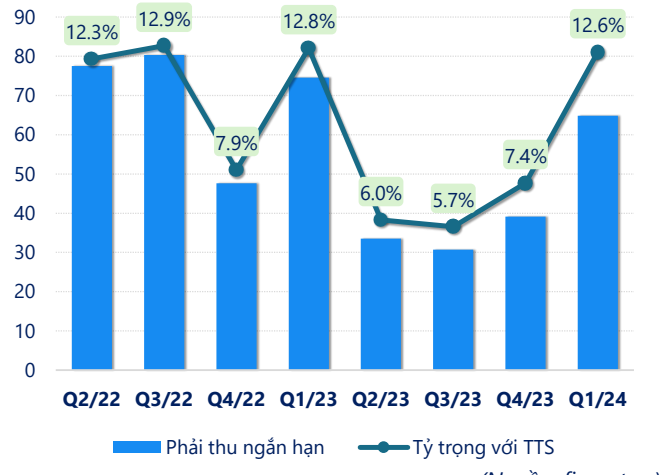
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



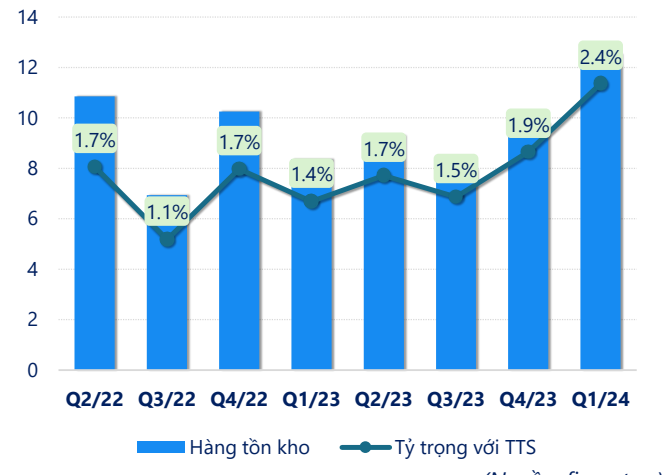
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



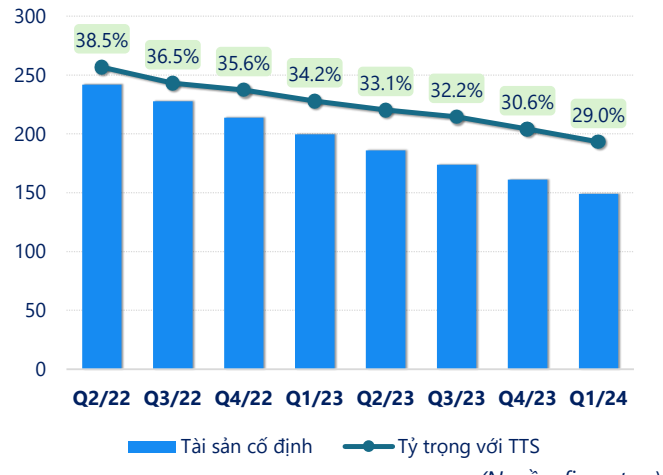
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



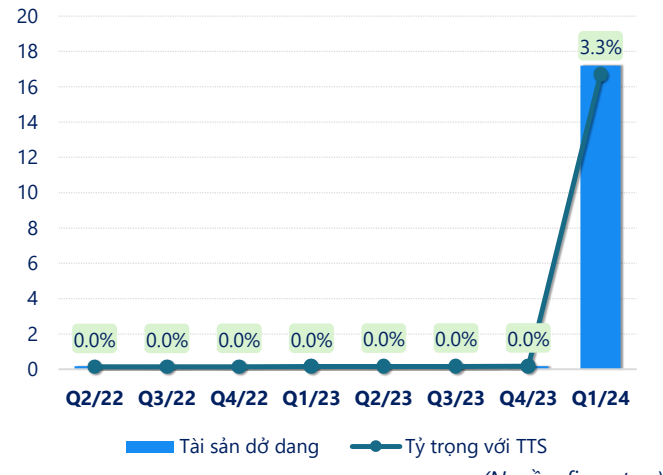
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



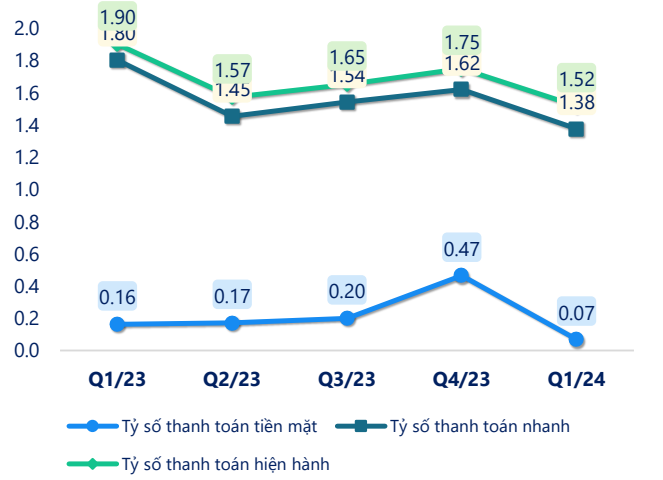
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



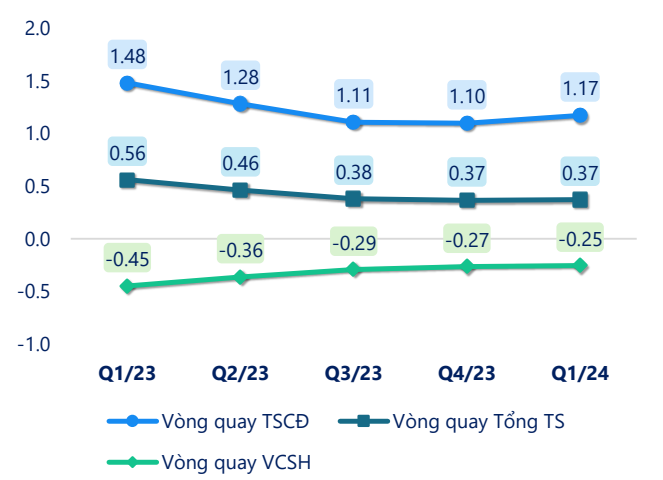
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**584**	**562**	**540**	**527**	**514**
Tài sản ngắn hạn	**161**	**124**	**121**	**132**	**135**
Tiền và tương đương tiền	13.8	13.6	14.6	35.2	6.08
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.0	42.0	42.0	22.0	23.0
Phải thu ngắn hạn	74.6	33.5	30.7	39.1	64.9
Hàng tồn kho	8.36	9.29	7.95	9.78	12.5
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	25.5	25.5	26.3	28.1
Tài sản dài hạn	**423**	**438**	**419**	**394**	**380**
Phải thu dài hạn	186	204	203	198	177
Tài sản cố định	200	186	174	161	149
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.17	0.17	0.17	0.17	17.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	37.3	48.5	42.1	35.4	36.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,331**	**1,336**	**1,337**	**1,355**	**1,373**
Nợ ngắn hạn	**84.8**	**78.8**	**73.1**	**75.6**	**88.6**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.2	48.7	48.0	48.5	48.2
Phải trả người bán ngắn hạn	13.6	10.5	9.50	11.6	23.6
Nợ dài hạn	1,246	1,257	1,264	1,279	1,285
Vay và nợ thuê dài hạn	417	419	419	431	431
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-747**	**-774**	**-797**	**-828**	**-859**
Vốn chủ sở hữu	**-747**	**-774**	**-797**	**-828**	**-859**
Vốn điều lệ	122	122	122	122	122
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)